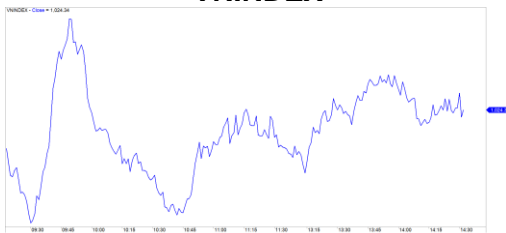


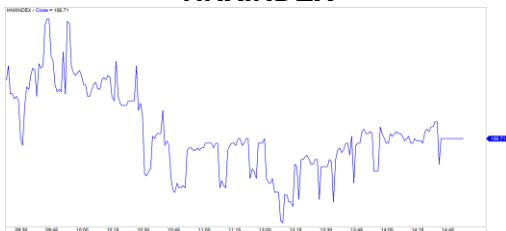
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	1,024.34	106.71	56.61
% ngày	0.19%	0.10%	0.04%
% tuần	2.86%	1.94%	0.44%
% tháng	3.72%	1.47%	-0.56%
% năm	10.68%	1.11%	9.82%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,566	408	253
TB 1 tuần	4,475	697	229
TB 1 tháng	3,905	414	221
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	782.90	1.80	30.36
Bán	753.29	3.46	26.37
Giá trị ròng	29.61	-1.65	3.99
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	150	53	185
Mã Giảm	143	80	105
Không Đổi	93	235	611
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	16.52	9.28	17.87
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,469	191	984
LS Cổ tức	1.40%	4.73%	5.32%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Các chỉ số có phiên tăng điểm thứ 3 liên tiếp nhưng xung lực tăng có dấu hiệu suy yếu. Cụ thể, chỉ số VN-Index tăng thêm 0.19% chốt tại 1024.34 điểm. Chỉ số HNX-Index cũng tăng nhẹ 0.1% dừng 106.71 điểm. Chỉ số Upcom-Index tăng nhẹ trên tham chiếu. Dòng tiền sụt giảm trở lại khi giá trị giao dịch khớp lệnh chỉ đạt hơn 4,150 tỷ đồng trên toàn thị trường

Nhóm cổ phiếu Vingroup lấy lại đà tăng gồm VHM(+2%), VRE(+2%) đóng cửa lần lượt tại 97,900 và 35,600. Tuy nhiên, điểm sáng hôm nay lại là nhóm Dầu Khí khi các cổ phiếu trong nhóm đều tăng mạnh với dòng tiền tham gia tích cực. Cụ thể, PVD tăng +3.7% đóng cửa tại 16,900, PVS tăng 3.2% đóng cửa tại 19,200, GAS tăng 1.4% đóng cửa tại 107,000 với thanh khoản gia tăng. Nhóm Ngân hàng phân hóa mạnh khi chỉ mỗi TCB(+1.6%), VPB(+1.1%) tăng giá trong khi VCB(-1.3%) điều chỉnh giảm. Nhóm Bất động Sản Mid-Cap cũng có nhiều mã giao dịch khá tích cực như HDC(+4.3%), VRC(+7%), IJC(+3.3%), KDH(+2.3%) hay TIP(+2.5%). GNT cũng gây chú ý khi tăng trần tạm dừng tại 21,800 đồng.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng phiên thứ 3 với giá trị 32 tỷ đồng trên cả ba sàn. VRE, VHM được mua ròng nhiều nhất lần lượt 51.6 tỷ và 43 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, VNM, VCB dẫn đầu danh sách bán ròng với 86.3 tỷ và 23.3 tỷ đồng.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng áp lực điều chỉnh vẫn có thể gia tăng trong phiên tới và vùng hỗ trợ gần nhất là vùng 1,010 – 1,015 điểm của chỉ số VN-Index. Điểm tiêu cực là dòng tiền suy yếu và đà tăng đang có dấu hiệu chững lại trong ngắn hạn cho thấy kịch bản điều chỉnh là khá cao. Đồng thời, tâm lý nhà đầu tư vẫn chưa hoàn toàn lạc quan và dòng tiền vẫn chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu Largecaps cho nên đà tăng chưa thật sự bền vững. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu ngắn hạn vẫn duy trì trên mức 50% cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn duy trì tỷ trọng cổ phiếu cao.

Hệ thống chỉ báo xu hướng ngắn hạn của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 1006.44 điểm của chỉ số VN-Index và 104 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét tận dụng các nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và vẫn chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu Largecaps.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 52% cổ phiếu/48% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

## BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.90	TĂNG	GIẢM	15.65	15.18	1.60%			16.59		
ACB	24.60	TĂNG	TĂNG	24.30	23.60	1.23%		24.00	21.78	2.50%	
ACV	79.60	TĂNG	GIẢM	75.80	77.35	5.01%			83.54		
ANV	25.30	GIẢM	GIẢM		27.01				27.58		
ASM	6.49	GIẢM	TĂNG		6.98			7.61	6.38	-14.72%	
BFC	14.90	GIẢM	GIẢM		15.62				16.69		
BID	42.50	TĂNG	TĂNG	42.20	40.11	0.71%		33.40	37.21	27.25%	
BMP	52.80	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	1.93%		48.30	48.32	9.32%	
BSR	10.00	TĂNG	GIẢM	10.00	9.37	0.00%			10.51		
BVH	75.20	TĂNG	GIẢM	74.00	71.93	1.62%			76.84		
BWE	25.40	GIẢM	GIẢM		26.07			20.00	25.45	27.27%	BÁN
CEO	9.30	GIẢM	GIẢM		9.83				10.31		
CII	24.30	GIẢM	TĂNG		24.87			24.45	22.23	-0.61%	
CMG	38.70	TĂNG	TĂNG	38.90	37.08	-0.51%		23.20	34.96	66.81%	
CMX	16.50	GIẢM	GIẢM		19.23				26.80		
CSM	14.75	GIẢM	TĂNG		14.95			14.39	14.22	2.50%	
CTD	74.50	GIẢM	GIẢM		79.22				96.25		
CTG	22.40	TĂNG	TĂNG	21.30	21.77	5.16%		22.00	19.85	1.82%	
CTR	50.00	TĂNG	N/A	46.50	47.26	7.53%		-	N/A		
CVT	23.10	TĂNG	TĂNG	21.25	22.63	8.71%		20.35	20.61	13.51%	
DCM	7.28	GIẢM	TĂNG		7.54			8.54	7.15	-14.75%	
DGC	25.80	GIẢM	GIẢM		26.59				28.96		
DGW	25.85	TĂNG	TĂNG	24.60	25.26	5.08%		23.50	23.07	10.00%	
DHA	30.60	GIẢM	GIẢM		31.51				34.57		
DHC	37.90	TĂNG	TĂNG	33.00	36.69	14.85%		37.70	35.33	0.53%	MUA
DHG	94.00	TĂNG	GIẢM	93.50	90.80	0.53%			99.56		
DIG	13.65	GIẢM	TĂNG		13.99			13.90	13.14	-1.80%	
DPG	46.00	TĂNG	GIẢM	46.60	43.60	-1.29%			50.61		
DPM	13.65	GIẢM	TĂNG		14.46			14.95	13.37	-8.70%	
DPR	36.60	TĂNG	GIẢM	37.60	36.46	-2.66%			40.40		
DQC	16.90	GIẢM	GIẢM		17.78				20.25		
DRC	22.75	GIẢM	TĂNG		24.03			21.60	21.72	5.32%	
DXG	15.85	GIẢM	TĂNG		16.24			15.50	14.86	2.26%	
EIB	17.40	TĂNG	GIẢM	17.40	16.75	0.00%	MUA		17.85		
FCN	12.10	GIẢM	GIẢM		12.68				13.36		



We Create Fortune

FMC	26.90	GIẢM	TĂNG		27.91			31.60	26.18	-14.87%	
FPT	59.80	TĂNG	TĂNG	58.20	57.47	2.75%		46.00	52.88	30.00%	
GAS	107.00	TĂNG	GIẢM	104.50	102.93	2.39%			109.55		
GEX	20.90	TĂNG	TĂNG	21.50	20.07	-2.79%		20.20	20.77	3.47%	
GIL	20.65	GIẢM	GIẢM		21.93				22.88		
GMD	25.90	TĂNG	GIẢM	27.40	25.03	-5.47%		28.50	26.02	-8.70%	
GTN	21.80	TĂNG	TĂNG	20.00	19.95	9.00%		15.00	18.39	45.33%	
GVR	13.90	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.14%			N/A		
HAG	4.24	TĂNG	GIẢM	4.46	4.21	-4.93%			4.83		
HAX	18.30	GIẢM	GIẢM		20.08			23.25	18.34	-21.10%	BÁN
HBC	12.50	GIẢM	GIẢM		13.35				15.19		
HCM	24.80	TĂNG	TĂNG	23.90	23.24	3.77%		23.40	21.08	5.98%	
HDB	29.50	TĂNG	TĂNG	26.30	28.43	12.17%		28.00	26.40	5.36%	
HDC	22.90	GIẢM	TĂNG		23.10			15.25	20.01	50.16%	
HDG	35.85	GIẢM	TĂNG		36.25			35.30	32.61	1.56%	
HNG	14.45	GIẢM	GIẢM		15.42				16.99		
HPG	21.90	TĂNG	GIẢM	22.20	21.53	-1.35%			23.82		
HSG	7.15	TĂNG	GIẢM	7.19	6.90	-0.56%			7.42		
HT1	16.50	TĂNG	GIẢM	16.55	16.10	-0.30%		16.90	16.70	-1.21%	MUA
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVN	36.45	TĂNG	GIẢM	36.50	34.94	-0.14%			36.93		
KBC	14.40	GIẢM	TĂNG		14.95			15.35	13.91	-6.19%	
KDH	27.20	TĂNG	TĂNG	25.80	25.77	5.43%		24.00	23.87	13.33%	
KSB	18.25	GIẢM	GIẢM		19.71				23.17		
LCG	8.14	GIẢM	GIẢM		8.53				9.43		
LDG	10.65	GIẢM	TĂNG		10.72			9.89	10.08	7.68%	
LHG	15.20	GIẢM	GIẢM		15.44				17.63		
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	-1.30%			8.13		
MBB	23.25	GIẢM	TĂNG		23.50			21.85	21.72	6.41%	
MPC	21.80	GIẢM	GIẢM		23.35				27.72		
MSN	76.00	GIẢM	GIẢM		76.49				81.47		
MSR	16.50	GIẢM	GIẢM		17.18				18.90		
MWG	125.60	TĂNG	TĂNG	127.50	124.02	-1.49%		88.70	114.74	41.60%	
NDN	16.50	GIẢM	TĂNG		17.05			13.70	16.27	20.44%	
NKG	6.06	TĂNG	GIẢM	5.84	5.93	3.77%			6.45		
NLG	28.65	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	0.17%		28.70	26.73	-0.17%	
NT2	23.15	GIẢM	GIẢM		23.57				24.95		
NTL	22.90	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	0.00%			25.17		
NVL	58.50	GIẢM	TĂNG		61.25			63.00	58.45	-7.14%	

We Create Fortune

<b>OIL</b>	10.40	GIẢM	GIẢM		10.65				12.16		
<b>PAC</b>	26.50	GIẢM	GIẢM		27.51				31.03		
<b>PC1</b>	18.65	GIẢM	TĂNG		19.72			21.10	18.48	-11.61%	
<b>PDR</b>	26.00	GIẢM	TĂNG		26.43			29.00	25.01	-10.34%	
<b>PHR</b>	57.20	GIẢM	GIẢM		61.23				65.37		
<b>PLX</b>	59.70	TĂNG	GIẢM	59.30	58.22	0.67%			61.98		
<b>PNJ</b>	85.20	TĂNG	TĂNG	81.90	81.81	4.03%		104.00	78.69	-18.08%	
<b>POW</b>	13.70	TĂNG	GIẢM	12.90	13.09	6.20%			13.98		
<b>PVT</b>	17.30	TĂNG	TĂNG	17.30	16.61	0.00%		18.30	16.28	-5.46%	
<b>PPC</b>	26.00	TĂNG	GIẢM	26.20	25.12	-0.76%			28.36		
<b>PTB</b>	75.00	TĂNG	TĂNG	69.70	72.71	7.60%		64.00	68.01	17.19%	
<b>PVB</b>	19.10	GIẢM	TĂNG		20.02			20.10	18.62	-4.98%	
<b>PVD</b>	16.95	TĂNG	TĂNG	16.95	16.92	0.00%	MUA	18.10	15.96	-6.35%	
<b>PVI</b>	32.00	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.61%			36.38		
<b>PVS</b>	19.30	TĂNG	GIẢM	19.30	18.92	0.00%	MUA		20.75		
<b>PXS</b>	5.52	TĂNG	TĂNG	4.76	5.00	15.97%			5.20		
<b>QNS</b>	29.00	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-1.36%		33.80	27.80	-14.20%	
<b>REE</b>	37.90	TĂNG	TĂNG	37.95	36.54	-0.13%		33.33	35.23	13.73%	
<b>SAB</b>	260.00	TĂNG	GIẢM	260.00	252.47	0.00%			270.96		
<b>SAM</b>	8.12	TĂNG	TĂNG	7.99	7.98	1.63%		7.40	7.47	9.73%	
<b>SCR</b>	6.10	GIẢM	GIẢM		6.29				6.65		
<b>SHI</b>	9.00	GIẢM	TĂNG		9.42			6.99	8.30	28.76%	
<b>SJS</b>	14.65	GIẢM	GIẢM		15.29			-	17.16		
<b>SKG</b>	11.25	GIẢM	GIẢM		11.68				11.70		
<b>SSI</b>	21.80	TĂNG	GIẢM	21.75	20.94	0.23%			22.27		
<b>STB</b>	10.95	GIẢM	GIẢM		11.15				11.09		
<b>TCB</b>	24.75	TĂNG	TĂNG	22.65	23.69	9.27%		22.65	22.18	9.27%	
<b>TCM</b>	21.90	GIẢM	GIẢM		22.60				25.14		
<b>TDH</b>	9.90	GIẢM	GIẢM		10.51				11.77		
<b>TLH</b>	4.06	TĂNG	GIẢM	4.06	3.95	0.00%	MUA		4.75		
<b>TNG</b>	15.70	GIẢM	GIẢM		16.45				19.09		
<b>VCB</b>	90.80	TĂNG	TĂNG	80.00	87.59	13.50%		62.00	79.18	46.45%	
<b>VCG</b>	27.00	TĂNG	TĂNG	27.00	26.50	0.00%		19.20	24.59	40.63%	
<b>VCS</b>	90.90	GIẢM	GIẢM		91.11				102.93		
<b>VGC</b>	18.85	TĂNG	GIẢM	20.00	18.77	-5.75%			20.53		
<b>VGT</b>	8.60	GIẢM	GIẢM		8.90				9.78		
<b>VHC</b>	81.80	TĂNG	GIẢM	81.30	78.70	0.62%			87.01		
<b>VHM</b>	97.90	TĂNG	TĂNG	88.80	92.48	10.25%		90.20	81.06	8.54%	
<b>VIB</b>	17.80	GIẢM	TĂNG		18.34			17.70	16.56	0.56%	

We Create Fortune

VIC	121.50	TĂNG	TĂNG	119.60	118.54	1.59%		112.00	113.76	8.48%	
VIP	5.01	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-2.72%			5.40		
VJC	145.70	TĂNG	TĂNG	139.40	142.66	4.52%		124.50	134.37	17.03%	
VND	13.80	GIẢM	GIẢM		14.02				14.93		
VNG	22.50	TĂNG	TĂNG	19.10	22.14	17.80%		20.20	20.93	11.39%	
VNM	129.20	GIẢM	TĂNG		134.72			130.10	124.25	-0.69%	
VPB	22.25	TĂNG	TĂNG	22.25	22.14	0.00%	MUA	20.30	20.56	9.61%	
VPI	41.50	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-1.66%		41.30	39.68	0.48%	
VRC	17.65	TĂNG	TĂNG	16.05	15.35	9.97%			16.26		
VRE	35.60	TĂNG	TĂNG	32.70	33.71	8.87%		35.05	34.98	1.57%	MUA
VSC	25.70	GIẢM	GIẢM		26.57				28.69		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	24.60	TĂNG	TĂNG	24.30	23.60	1.23%		24.00	21.78	2.50%	
BID	42.50	TĂNG	TĂNG	42.20	40.11	0.71%		33.40	37.21	27.25%	
BSR	10.00	TĂNG	GIẢM	10.00	9.37	0.00%			10.51		
BVH	75.20	TĂNG	GIẢM	74.00	71.93	1.62%			76.84		
CTG	22.40	TĂNG	TĂNG	21.30	21.77	5.16%		22.00	19.85	1.82%	
FPT	59.80	TĂNG	TĂNG	58.20	57.47	2.75%		40.23	52.88	48.66%	
GAS	107.00	TĂNG	GIẢM	104.50	102.93	2.39%			109.55		
GEX	20.90	TĂNG	TĂNG	21.50	20.07	-2.79%		20.26	20.77	3.15%	
GVR	13.90	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.14%			N/A		
HDB	29.50	TĂNG	TĂNG	26.30	28.43	12.17%		28.00	26.40	5.36%	
HNG	14.45	GIẢM	GIẢM		15.42				16.99		
HPG	21.90	TĂNG	GIẢM	22.20	21.53	-1.35%			23.82		
HVN	36.45	TĂNG	GIẢM	36.50	34.94	-0.14%			36.93		
KDH	27.20	TĂNG	TĂNG	25.80	25.77	5.43%		24.00	23.87	13.33%	
MBB	23.25	GIẢM	TĂNG		23.50			19.72	21.72	17.91%	
MSN	76.00	GIẢM	GIẢM		76.49				81.47		
MWG	125.60	TĂNG	TĂNG	127.50	124.02	-1.49%		88.70	114.74	41.60%	
NVL	58.50	GIẢM	TĂNG		61.25			63.00	58.45	-7.14%	
OIL	10.40	GIẢM	GIẢM		10.65				12.16		
PLX	59.70	TĂNG	GIẢM	59.30	58.22	0.67%			61.98		
PNJ	85.20	TĂNG	TĂNG	81.90	81.81	4.03%		77.07	78.69	10.55%	
POW	13.70	TĂNG	GIẢM	12.90	13.09	6.20%			13.98		

We Create Fortune

QNS	29.00	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-1.36%		33.26	27.80	-12.80%	
REE	37.90	TĂNG	TĂNG	37.95	36.54	-0.13%		33.33	35.23	13.73%	
ROS	25.00	GIẢM	GIẢM		26.11				28.27		
SBT	18.30	GIẢM	TĂNG		19.11			17.50	17.08	4.57%	
SSI	21.80	TĂNG	GIẢM	21.75	20.94	0.23%			22.27		
STB	10.95	GIẢM	GIẢM		11.15				11.09		
TCB	24.75	TĂNG	TĂNG	22.65	23.69	9.27%		22.65	22.18	9.27%	
TPB	22.55	TĂNG	GIẢM	22.70	21.99	-0.66%			23.94		
VCB	90.80	TĂNG	TĂNG	80.00	87.59	13.50%		62.00	79.18	46.45%	
VCG	27.00	TĂNG	TĂNG	27.00	26.50	0.00%		18.44	24.59	46.41%	
VCS	90.90	GIẢM	GIẢM		91.11				102.93		
VEA	49.00	GIẢM	GIẢM		51.65				59.45		
VGI	31.70	TĂNG	N/A	33.60	31.33	-5.65%			N/A		
VHM	97.90	TĂNG	TĂNG	88.80	92.48	10.25%		89.13	81.06	9.84%	
VIB	17.80	GIẢM	TĂNG		18.34			15.00	16.56	18.63%	
VIC	121.50	TĂNG	TĂNG	119.60	118.54	1.59%		112.00	113.76	8.48%	
VJC	145.70	TĂNG	TĂNG	139.40	142.66	4.52%		124.50	134.37	17.03%	
VNM	129.20	GIẢM	TĂNG		134.72			130.10	124.25	-0.69%	
VPB	22.25	TĂNG	TĂNG	22.25	22.14	0.00%	MUA	20.30	20.56	9.61%	
VRE	35.60	TĂNG	TĂNG	32.70	33.71	8.87%		35.05	34.98	1.57%	MUA

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.90	TĂNG	GIẢM	15.75	15.18	0.95%			16.59		
ANV	25.30	GIẢM	GIẢM		27.01				27.58		
ASM	6.49	GIẢM	TĂNG		6.98			7.61	6.38	-14.72%	
BMI	27.15	TĂNG	TĂNG	26.00	25.61	4.42%		26.70	23.99	1.69%	
BMP	52.80	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	1.93%		48.30	48.32	9.32%	
BWE	25.40	GIẢM	GIẢM		26.07			19.44	25.45	30.94%	BÁN
CEO	9.30	GIẢM	GIẢM		9.83				10.31		
CII	24.30	GIẢM	TĂNG		24.87			24.45	22.23	-0.61%	
CRE	24.55	GIẢM	GIẢM		25.14				25.94		
CTI	24.80	TĂNG	TĂNG	24.00	24.16	3.33%		25.05	22.66	-1.00%	
CTR	50.00	TĂNG	GIẢM	46.50	47.26	7.53%			53.42		
D2D	83.80	TĂNG	TĂNG	72.50	80.25	15.59%		83.10	69.72	0.84%	
DBD	55.10	TĂNG	TĂNG	55.10	54.90	0.00%	MUA	38.65	50.35	42.56%	

We Create Fortune

DCM	7.28	GIẢM	TĂNG		7.54			7.63	7.15	-4.62%	
DGW	25.85	TĂNG	TĂNG	24.12	25.26	7.19%		23.04	23.07	12.20%	
DHC	37.90	TĂNG	TĂNG	33.00	36.69	14.85%		37.70	35.33	0.53%	MUA
DIG	13.65	GIẢM	TĂNG		13.99			13.90	13.14	-1.80%	
DPG	46.00	TĂNG	GIẢM	46.60	43.60	-1.29%			50.61		
DPM	13.65	GIẢM	TĂNG		14.46			14.95	13.37	-8.70%	
DRC	22.75	GIẢM	TĂNG		24.03			21.60	21.72	5.32%	
DXG	15.85	GIẢM	TĂNG		16.24			15.50	14.86	2.26%	
E1VFN30	15.67	TĂNG	TĂNG	15.62	15.29	0.32%		15.26	14.82	2.69%	
FCN	12.10	GIẢM	GIẢM		12.68				13.36		
FLC	4.70	GIẢM	TĂNG		5.10			4.63	4.02	1.51%	
GEG	27.65	TĂNG	TĂNG	28.10	27.26	-1.60%		12.50	24.99	121.16%	
GMD	25.90	TĂNG	GIẢM	27.40	25.03	-5.47%		28.50	26.02	-8.70%	
GTN	21.80	TĂNG	TĂNG	20.00	19.95	9.00%		15.00	18.39	45.33%	
HAG	4.24	TĂNG	GIẢM	4.46	4.21	-4.93%			4.83		
HBC	12.50	GIẢM	GIẢM		13.35				15.19		
HCM	24.80	TĂNG	TĂNG	23.90	23.24	3.77%		23.40	21.08	5.98%	
HDC	22.90	GIẢM	TĂNG		23.10			15.25	20.01	50.16%	
HDG	35.85	GIẢM	TĂNG		36.25			35.30	32.61	1.56%	
HPX	26.50	GIẢM	#N/A		26.96			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.15	TĂNG	GIẢM	7.19	6.90	-0.56%			7.42		
HT1	16.50	TĂNG	GIẢM	16.55	16.10	-0.30%		16.90	16.70	-1.21%	MUA
HTM	15.20	TĂNG	GIẢM	16.80	14.68	-9.52%			18.90		
IBC	20.75	TĂNG	GIẢM	20.60	20.45	0.73%			21.22		
IDI	5.47	GIẢM	TĂNG		5.59			7.53	5.22	-27.36%	
IJC	15.80	GIẢM	TĂNG		15.89			13.10	13.74	20.61%	
ITA	3.14	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-4.56%		3.20	2.96	-1.88%	
KBC	14.40	GIẢM	TĂNG		14.95			14.85	13.91	-3.01%	
KDC	22.00	TĂNG	TĂNG	21.50	20.98	2.33%		21.90	18.93	0.46%	
KOS	28.00	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	4.48%		26.30	25.07	6.46%	
KSB	18.25	GIẢM	GIẢM		19.71				23.17		
LDG	10.65	GIẢM	TĂNG		10.72			9.89	10.08	7.68%	
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	-1.30%			8.13		
MBG	40.80	TĂNG	TĂNG	13.70	38.44	197.81%		5.10	32.27	700.00%	
MBS	14.40	GIẢM	GIẢM		15.00				16.09		
MPC	21.80	GIẢM	GIẢM		23.35				27.72		
NBB	21.00	TĂNG	GIẢM	20.85	20.20	0.72%			22.02		
NKG	6.06	TĂNG	GIẢM	5.84	5.93	3.77%			6.45		

We Create Fortune

NLG	28.65	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	0.17%		26.28	26.73	9.01%	
NT2	23.15	GIẢM	GIẢM		23.57				24.95		
NTL	22.90	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	0.00%			25.17		
NVB	9.20	TĂNG	TĂNG	7.60	8.65	21.05%		8.50	7.74	8.24%	
OGC	3.92	TĂNG	GIẢM	4.01	3.91	-2.24%			4.28		
PC1	18.65	GIẢM	TĂNG		19.72			19.30	18.48	-3.37%	
PDR	26.00	GIẢM	TĂNG		26.43			23.59	25.01	10.19%	
PHR	57.20	GIẢM	GIẢM		61.23				65.37		
PPC	26.00	TĂNG	GIẢM	26.20	25.12	-0.76%			28.36		
PTB	75.00	TĂNG	TĂNG	69.70	72.71	7.60%		60.78	68.01	23.40%	
PVD	16.95	TĂNG	TĂNG	16.95	16.92	0.00%	MUA	18.10	15.96	-6.35%	
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.61%			36.38		
PVS	19.30	TĂNG	GIẢM	19.30	18.92	0.00%	MUA		20.75		
PVT	17.30	TĂNG	TĂNG	17.30	16.61	0.00%		17.31	16.28	-0.03%	
QCG	4.56	TĂNG	GIẢM	4.76	4.53	-4.20%			5.27		
SCR	6.10	GIẢM	GIẢM		6.29				6.65		
SGP	8.60	GIẢM	GIẢM		9.25			12.30	8.95	-27.24%	BÁN
SHB	6.70	TĂNG	GIẢM	6.60	6.42	1.52%			6.86		
SHS	8.60	TĂNG	TĂNG	7.30	8.01	17.81%		8.40	7.19	2.38%	
SZC	17.40	TĂNG	#N/A	18.30	17.33	-4.92%			#N/A		
TCH	23.50	TĂNG	GIẢM	23.30	22.13	0.86%			25.82		
TCM	21.90	GIẢM	GIẢM		22.60				25.14		
TDH	9.90	GIẢM	GIẢM		10.51				11.77		
TNG	15.70	GIẢM	GIẢM		16.45				19.09		
TTB	19.20	GIẢM	GIẢM		20.95				23.98		
VGC	18.85	TĂNG	GIẢM	20.00	18.77	-5.75%			20.53		
VGT	8.60	GIẢM	GIẢM		8.90				9.78		
VHC	81.80	TĂNG	GIẢM	81.30	78.70	0.62%			87.01		
VND	13.80	GIẢM	GIẢM		14.02				14.93		
VNG	22.50	TĂNG	TĂNG	19.10	22.14	17.80%		20.20	20.93	11.39%	
VPI	41.50	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-1.66%		41.30	39.68	0.48%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.00	GIẢM	GIẢM		9.33				10.38		
AGR	4.20	GIẢM	GIẢM	4.55	4.21	-7.52%	BÁN		4.85		



We Create Fortune

AMD	1.62	TĂNG	GIẢM	1.49	1.60	8.72%		1.67		
APG	9.05	TĂNG	TĂNG	8.76	8.30	3.31%		9.90	7.90	-8.59%
ART	2.10	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	5.00%			2.25	
BCG	8.00	TĂNG	TĂNG	8.60	7.78	-6.98%		6.39	7.30	25.20%
C4G	6.50	TĂNG	GIẢM	6.90	6.22	-5.80%			7.72	
C69	11.40	GIẢM	GIẢM		17.82				26.16	
CCL	6.89	GIẢM	GIẢM		7.50				8.70	
CVT	23.10	TĂNG	TĂNG	21.25	22.63	8.71%		20.35	20.61	13.51%
DAH	9.99	TĂNG	GIẢM	10.60	9.94	-5.75%			11.48	
DLG	1.58	GIẢM	GIẢM		1.70				1.65	
DRH	5.00	GIẢM	GIẢM		5.39				7.54	
DTD	12.00	GIẢM	GIẢM		13.86				17.28	
EVG	2.72	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-2.16%			2.90	
FIT	4.17	GIẢM	TĂNG		4.48			3.64	3.79	14.56%
FTM	3.32	TĂNG	GIẢM	3.93	3.28	-15.52%			6.96	
FUES SV50	13.61	TĂNG	TĂNG	13.30	13.42	2.33%		12.85	12.78	5.91%
GKM	15.00	TĂNG	GIẢM	15.00	14.82	0.00%			15.54	
HAH	13.10	GIẢM	GIẢM		13.89			13.00	13.89	6.82%
HAI	1.89	TĂNG	TĂNG	1.69	1.76	11.83%		1.88	1.80	0.53%
HAR	3.48	GIẢM	GIẢM		3.64				3.88	
HDA	10.80	GIẢM	GIẢM		11.09				12.07	
HHP	12.20	TĂNG	GIẢM	12.20	11.53	0.00%			13.51	
HHS	3.06	GIẢM	TĂNG		3.32			3.36	2.94	-8.93%
HID	2.49	TĂNG	TĂNG	2.10	2.37	18.57%		2.63	2.14	-5.32%
HII	11.60	GIẢM	GIẢM		11.72				12.29	
HQC	1.08	GIẢM	GIẢM	1.15	1.09	-4.85%	BÁN		1.25	
HSL	7.68	GIẢM	GIẢM		8.10				9.29	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71	
HVG	5.32	TĂNG	TĂNG	3.02	5.02	76.16%		3.90	2.45	36.41%
HVH	18.20	TĂNG	GIẢM	18.60	18.14	-2.15%			21.39	
IDJ	6.90	GIẢM	TĂNG		7.77			7.20	5.42	-4.17%
JVC	4.18	GIẢM	TĂNG		4.44			3.10	4.11	34.84%
KLF	1.30	TĂNG	GIẢM	1.40	1.11	-7.14%			1.48	
LCG	8.14	GIẢM	GIẢM		8.53				9.43	
LGL	10.20	GIẢM	TĂNG		10.70			7.11	9.49	43.40%
LHG	15.20	GIẢM	GIẢM		15.44				17.63	
LMH	12.75	GIẢM	#N/A		13.30				#N/A	
MST	3.30	GIẢM	TĂNG	2.80	3.38	20.63%	BÁN	3.40	2.97	-2.94%



We Create Fortune

NDN	16.50	GIẢM	TĂNG		17.05			13.10	16.27	25.91%	
PHC	12.05	TĂNG	TĂNG	13.30	11.92	-9.40%		14.20	11.21	-15.14%	
PLP	10.20	GIẢM	GIẢM		10.90			10.95	10.55	-3.65%	BÁN
PVB	19.10	GIẢM	TĂNG		20.02			19.42	18.62	-1.63%	
PVC	7.60	TĂNG	TĂNG	6.89	7.10	10.33%		6.70	6.30	13.43%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.44				1.50		
PXL	6.30	TĂNG	GIẢM	5.50	5.75	14.55%			6.41		
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.42			5.77	8.30	56.11%	
SJF	2.22	GIẢM	GIẢM		2.31				3.02		
SPP	2.00	GIẢM	GIẢM		2.43				3.23		
TDC	8.58	GIẢM	TĂNG		9.00			7.05	8.48	21.63%	
TIG	4.70	TĂNG	TĂNG	3.40	4.32	38.24%		3.20	3.64	46.88%	
TLH	4.06	TĂNG	GIẢM	4.06	3.95	0.00%	MUA		4.75		
TNA	18.20	TĂNG	TĂNG	13.70	17.14	32.85%		11.45	14.40	58.94%	
TNI	10.05	GIẢM	GIẢM		10.16				10.89		
TSC	3.18	TĂNG	TĂNG	1.88	3.01	69.15%		1.58	2.31	101.27%	
TTF	2.82	GIẢM	GIẢM		2.99				3.22		
TTH	2.70	GIẢM	GIẢM		2.87				3.27		
TVC	15.50	GIẢM	TĂNG		16.13			14.30	14.38	8.39%	
VC3	24.10	GIẢM	TĂNG		24.73			22.00	23.05	9.55%	
VCR	16.60	GIẢM	GIẢM		19.48				23.69		
VNA	4.30	GIẢM	TĂNG		4.94			4.70	3.92	-8.51%	
VNE	3.39	GIẢM	GIẢM	3.35	3.45	2.98%	BÁN		3.70		
VRC	17.65	TĂNG	TĂNG	16.05	15.35	9.97%			16.26		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	1024.34	0.19%	HNI	106.71	0.10%	UPCoM	56.61	0.04%
VN30	942.34	0.22%	HN30	189.37	0.88%			
VN Mid	974.29	0.34%	VNX	903.93	0.28%			
VN Small	788.05	0.36%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	782.9		Mua	1.80		Mua	30.36	
Bán	753.29		Bán	3.46		Bán	26.37	
GT ròng	29.61		GT ròng	-1.65		GT ròng	3.99	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VRC	1150	6.97%	VCS	4400	5.09%	VCP	6400	14.88%
GTN	1400	6.86%	HUT	100	4.17%	BOT	2400	4.51%
EIB	900	5.45%	PVS	600	3.21%	NTC	7000	4.18%
HDC	950	4.33%	SHS	100	1.18%	CTR	1100	2.25%
PVD	600	3.67%	VCG	200	0.75%	VTP	2000	1.58%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVG	-300	-5.34%	MBG	-2100	-4.90%	NHH	-900	-1.96%
TVB	-600	-3.92%	VC3	-400	-1.63%	PXL	-100	-1.56%
MSH	-1800	-3.35%	VCR	-200	-1.19%	QNS	-300	-1.02%
TNA	-500	-2.67%	NVB	-100	-1.08%	MPC	-200	-0.91%
LGL	-250	-2.39%	CEO	-100	-1.06%	ACV	-700	-0.87%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	406,531		ACB	40,750		ACV	174,064	
VCB	336,766		VCS	14,544		VGI	96,087	
VHM	327,917		VCG	11,926		VEA	65,143	
VNM	224,986		PVS	9,225		GVR	55,284	
GAS	204,793		SHB	8,061		MCH	52,119	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	27,893,660	26,030,612	PVS	5,568,980	1,861,339	BSR	2,141,491	2,032,128
FLC	12,175,110	15,378,325	ACB	3,600,931	5,202,301	VCP	1,673,737	261,228
HPG	6,382,860	4,830,095	SHB	2,862,740	3,197,379	LPB	566,190	634,786
AAA	5,843,530	2,660,505	ART	1,297,000	1,182,285	VIB	397,715	1,018,742
SCR	5,480,640	3,564,911	HUT	997,713	1,323,524	GVR	372,943	576,301

Nguồn: Bloomberg & YSVN

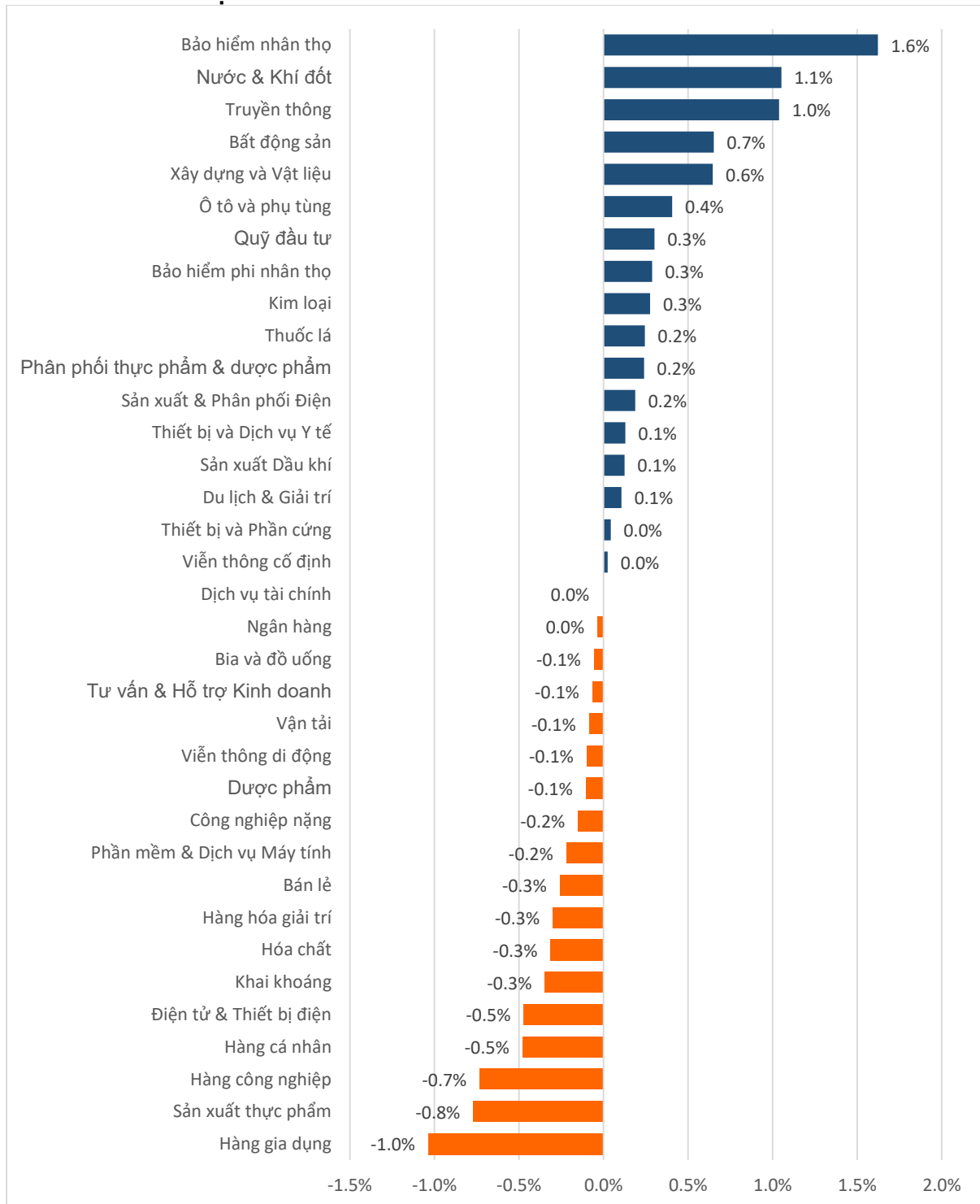
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



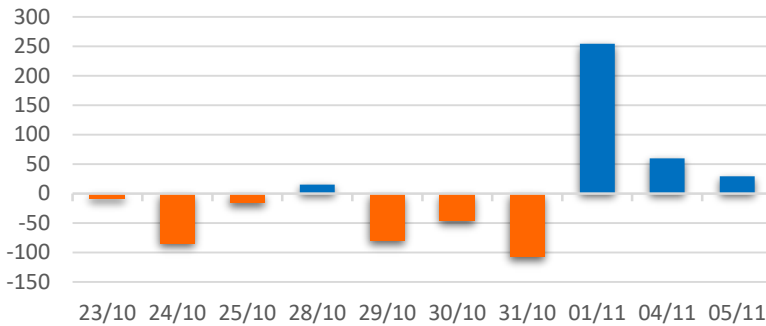
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

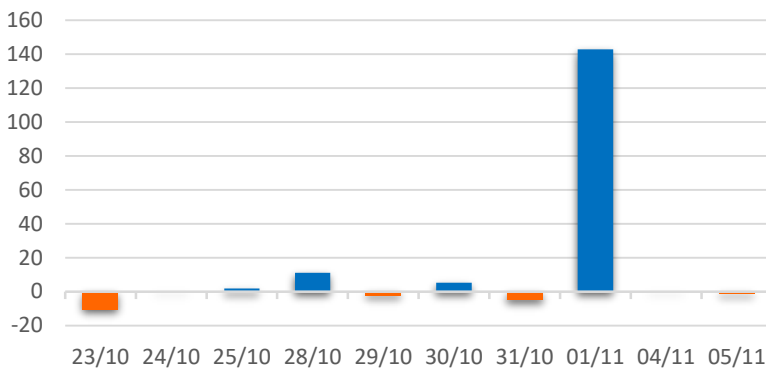
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRE	51,632	VNM	86,363
VHM	43,074	VCB	23,391
TVS	19,129	CTD	14,009
VIC	13,493	VJC	6,839
HCM	12,218	DXG	6,566

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

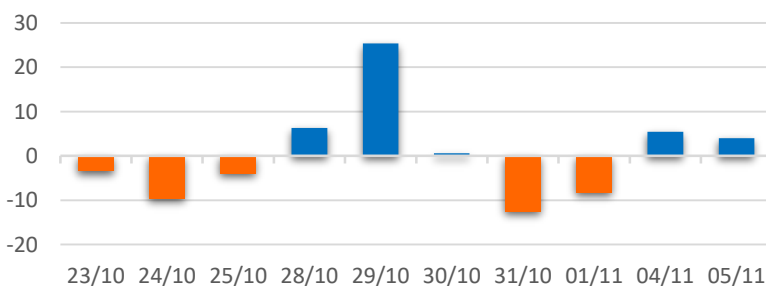
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TIG	340	CEO	1,262
TTT	162	PVS	1,075
VCS	133	PVC	263
SHB	114	MAS	114
BVS	103	PTI	73

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MCH	9,311	BSR	7,100
VTP	2,997	VEA	2,577
ACV	542	BCM	111
ABI	494	VTK	94
MFS	357	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



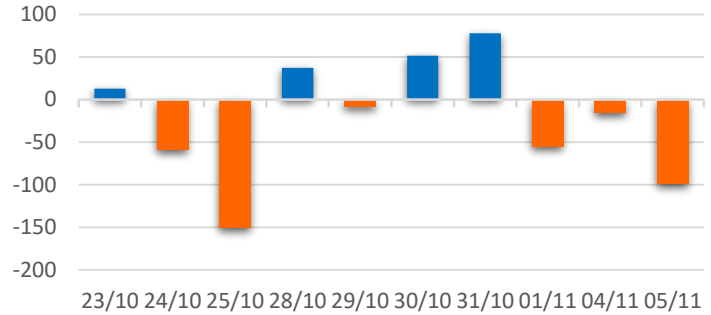
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

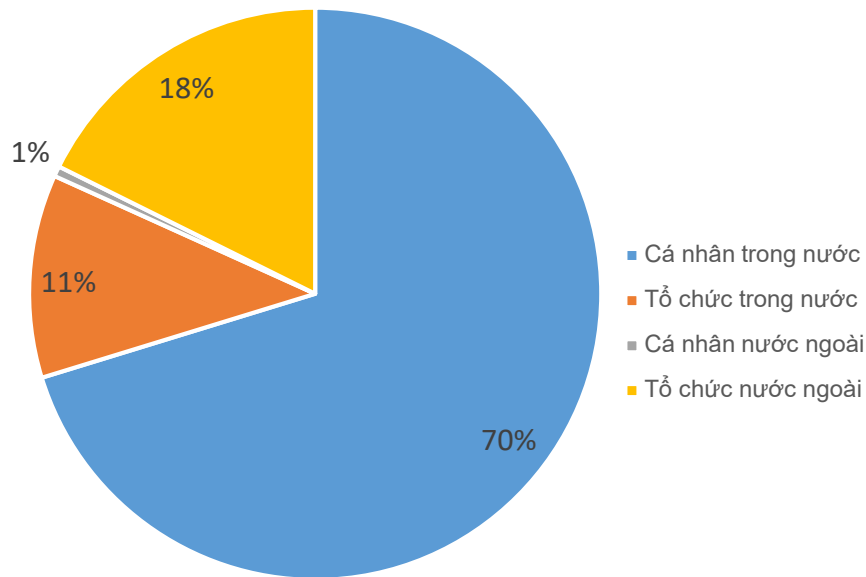
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VHM	13,809	VNM	31,791
E1VFN30	8,941	HPG	17,308
BMI	8,118	MBB	16,082
VPB	7,743	MWG	12,476
DXG	5,961	VHM	12,019

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

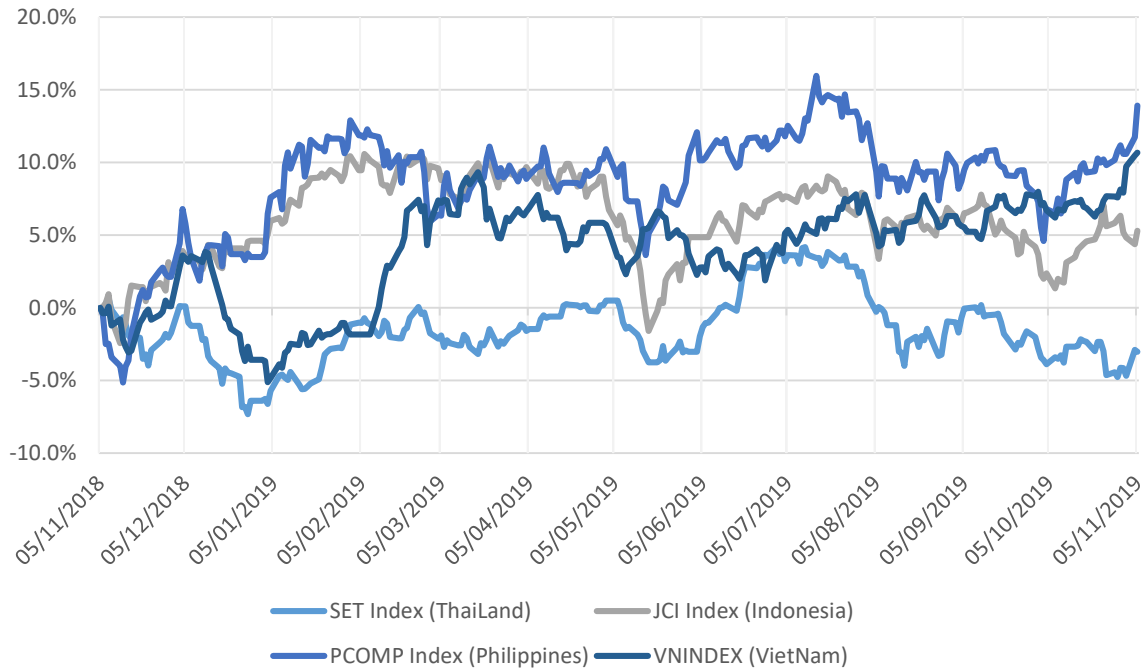


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

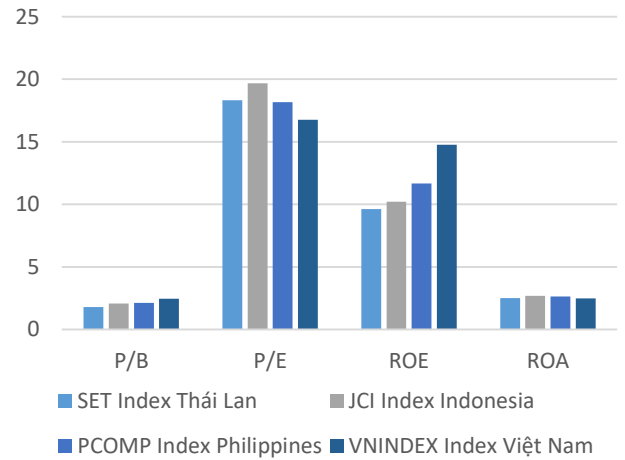
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.1x	2.4x
P/E		18.3x	19.7x	18.2x	16.8x
ROE	%	9.61	10.22	11.66	14.77
ROA	%	2.52	2.69	2.62	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	562.74	510.06	199.79	149.15
GTGD	Triệu USD	1.77	0.45	0.10	0.19
LS cổ tức	%	3.09	2.44	1.54	1.83

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuantan.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written